

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

\*\*\*

Số: 22/QĐ-TLCDN

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 12 năm 2023

**GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU LAI CẢNG ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Quyết định số: 503/QĐ-HĐTV ngày 29/08/2011 của Tổng Công ty hàng hải Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển Xí nghiệp vận tải thủy, đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng thành Công ty cổ phần.

Căn cứ Nghị định số: 146/2016/NĐ-CP ngày 02/11/2016 về việc "niêm yết giá, phụ thu ngoài giá dịch vụ vận chuyển hàng hóa công-te-nơ bằng đường biển, giá dịch vụ tại cảng biển".

- Căn cứ Thông tư số: 54/2018/TT-BGTVT ngày 14/11/2018 về việc "ban hành khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu bến phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam".

Căn cứ Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số:209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng

Căn cứ quyền hạn và nhiệm vụ của Giám đốc Công ty cổ phần tàu lai Cảng Đà Nẵng.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Nay ban hành kèm theo quyết định này "Biểu giá dịch vụ tàu lai hỗ trợ, buộc mở dây và các dịch vụ phát sinh khác của tàu biển" áp dụng cho các chủ tàu / đại lý chủ tàu vận tải biển quốc tế (gọi tắt là Biểu giá đối ngoại) của Công ty cổ phần tàu lai Cảng Đà Nẵng.

**Điều 2:** "Biểu giá dịch vụ tàu lai hỗ trợ, buộc mở dây và các dịch vụ phát sinh khác của tàu biển" tại Điều I Quyết định này áp dụng cho các đối tượng sau:

- Tàu thuyền xuất cảnh, nhập cảnh hoặc quá cảnh vào, rời, đi qua hoặc neo đậu tại khu vực hàng hải; tàu thuyền nước ngoài vào hoạt động tại cảng biển Việt Nam;
- Tàu thuyền hoạt động vận tải hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển, quá cảnh tại khu vực hàng hải;
- Tàu thuyền vận tải hành khách từ Việt Nam đi nước ngoài hoặc từ nước ngoài đến Việt Nam; tàu thuyền chuyên dùng hoạt động trên tuyến quốc tế vào, rời, đi qua hoặc neo đậu tại khu vực hàng hải.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/01/2024 thay thế các Quyết định, văn bản giá cước dịch vụ ban hành trước đây./

Nơi nhận: *John*

- Cục hàng hải Việt Nam;
- Sở tài chính;
- Khách hàng;
- Lưu P.TCHC, P.KHK

**CTY CP TÀU LẠI CẢNG ĐÀ NẴNG**



**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thanh Tuấn**

**BIỂU GIÁ DỊCH VỤ TÀU LAI HỖ TRỢ VÀ BUỘC MỞ DÂY  
(BIỂU GIÁ ĐỐI NGOẠI)  
CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU LAI CẢNG ĐÀ NẴNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2.22./QĐ-TLCĐN ngày 20/12/2023  
của Giám đốc Công ty cổ phần tàu lai Cảng Đà Nẵng).

**I/ GIÁ CƯỚC DỊCH VỤ:**

**1. Giá dịch vụ tàu lai hỗ trợ:**

- Số lượng và công suất tàu lai hỗ trợ thực hiện theo quy định của Cục hàng hải Việt Nam.

- Giá cước tàu lai hỗ trợ được tính theo thời gian thực tế lai dắt tàu và đơn giá dưới đây được áp dụng cho 01 giờ hỗ trợ tàu biển cập hoặc rời cầu bến, phao neo. (trong trường hợp thời gian lai dắt nhỏ hơn 01 giờ, được làm tròn là 01 giờ).

| Tên tàu lai  | Mã lực (HP) | Đơn giá |                                   |
|--------------|-------------|---------|-----------------------------------|
|              |             | USD/giờ | Quy đổi tương đương sang đồng/giờ |
| Đa Phước     | 2800        | 1,455   | 35,050,950                        |
| Tuần Châu    | 2000        | 1,090   | 26,258,100                        |
| Sông Hàn     | 1700        | 824     | 19,850,160                        |
| Hải Vân      | 1440        | 802     | 19,320,180                        |
| Liên Chiểu   | 1270        | 577     | 13,899,930                        |
| Mỹ Khê       | 1000        | 577     | 13,899,930                        |
| Xuân Thiều   | 1000        | 577     | 13,899,930                        |
| Sơn Trà      | 800         | 565     | 13,610,850                        |
| Trường Giang | 520         | 390     | 9,395,100                         |
| Thu Bồn      | 500         | 390     | 9,395,100                         |

**1.1. Giá dịch vụ điều động tàu:**

- Đối với các tàu vào các khu vực khác ngoài khu vực Tiên Sa, giá lai dắt tàu được tính bằng giá lai dắt nêu trên theo thời gian dẫn tàu thực tế cộng thêm cước điều động tàu lai đến vị trí phục vụ lai dắt. Cước điều động tàu lai đến vị trí lai dắt tàu do hai bên tự thỏa thuận nhưng không vượt quá 70% khung giá dịch vụ lai dắt theo quy định tại Thông tư 54/2018/TT-BGTVT và theo giờ điều động thực tế.

- Đơn giá nêu trên được áp dụng trong thời tiết làm việc bình thường cho 01 lượt cập và rời, nhưng không quá 01 giờ làm việc. Trong trường hợp phát sinh thêm giờ làm việc, hai bên thống nhất căn cứ xác nhận thực tế tại hiện trường và biểu giá hiện hành để làm cơ sở tính thu và thanh toán.

1.2. Đơn giá dịch vụ tàu lai hồ trợ được áp dụng trong trường hợp đột xuất, khẩn cấp, thời tiết xấu được tính cụ thể như sau:

| STT | Tên tàu lai  | Đơn giá |                                   |
|-----|--------------|---------|-----------------------------------|
|     |              | USD/giờ | Quy đổi tương đương sang đồng/giờ |
| 1   | Đa Phước     | 1,143   | 27,534,870                        |
| 2   | Tuần Châu    | 855     | 20,596,950                        |
| 3   | Sông Hàn     | 634     | 15,273,060                        |
| 4   | Hải Vân      | 634     | 15,273,060                        |
| 5   | Liên Chiêu   | 444     | 10,695,960                        |
| 6   | Mỹ Khê       | 444     | 10,695,960                        |
| 7   | Xuân Thiều   | 444     | 10,695,960                        |
| 8   | Sơn Trà      | 444     | 10,695,960                        |
| 9   | Trường Giang | 307     | 7,395,630                         |
| 10  | Thu Bồn      | 307     | 7,395,630                         |

Thời gian tính giá dịch vụ tàu lai hồ trợ: từ khi tàu lai hồ trợ rời vị trí xuất phát trong khu vực cảng để đưa tàu vào làm hàng đến khi trở về vị trí ban đầu hoặc chuyển sang hoạt động khác.

## 2. Giá tàu lai chờ đợi:

Thời gian chờ đợi được tính từ lúc tàu hồ trợ đến địa điểm hồ trợ và chờ cho đến khi tàu hồ trợ bắt đầu rời vị trí. Chủ tàu biển phải trả tiền chờ đợi trong các trường hợp sau:

2.1. Trường hợp tàu lai hồ trợ đã đến vị trí đón tàu thủy đúng giờ, đúng địa điểm mà chủ tàu thủy đã yêu cầu nhưng tàu thủy chưa đến, gây chờ đợi cho tàu lai hồ trợ, thì chủ tàu thủy phải trả tiền chờ đợi cho số giờ thực tế theo đơn giá quy định như sau:

| STT | Tên tàu lai | Đơn giá |                                   |
|-----|-------------|---------|-----------------------------------|
|     |             | USD/giờ | Quy đổi tương đương sang đồng/giờ |
| 1   | Đa Phước    | 400     | 9,636,000                         |
| 2   | Tuần Châu   | 300     | 7,227,000                         |

|    |              |     |           |
|----|--------------|-----|-----------|
| 3  | Sông Hàn     | 242 | 5,829,780 |
| 4  | Hải Vân      | 230 | 5,540,700 |
| 5  | Liên Chiểu   | 220 | 5,299,800 |
| 6  | Mỹ Khê       | 177 | 4,263,930 |
| 7  | Xuân Thiều   | 177 | 4,263,930 |
| 8  | Sơn Trà      | 155 | 3,733,950 |
| 9  | Trường Giang | 108 | 2,601,720 |
| 10 | Thu Bồn      | 108 | 2,601,720 |

2.2. Trường hợp tàu lai hồ trợ đã đến vị trí đón tàu thủy đúng giờ, đúng địa điểm mà chủ tàu thủy đã yêu cầu nhưng tàu thủy không đến hoặc do thời tiết xấu tàu hồ trợ không tiếp cận được tàu biển, không chạy gây chờ đợi cho tàu lai hồ trợ và tàu lai phải trở về vị trí xuất phát hoặc chuyển sang hoạt động khác, thì chủ tàu phải trả 50% giá cước tàu lai hồ trợ được qui định tại mục 1 của biểu cước này cho 01 giờ huy động tàu.

2.3 Trong trường hợp Đại lý hoặc Chủ tàu thay đổi giờ hoặc hủy bỏ yêu cầu tàu hồ trợ thì phải báo trước 02 giờ cho Công ty CP Tàu Lai Cảng Đà Nẵng qua số điện thoại số: 0236.3538988 hoặc fax: 0236.3538987. Quá quy định trên Đại lý hoặc Chủ tàu phải trả tiền chờ đợi theo quy định tại điểm 2.1; 2.2, thời gian tính tiền chờ đợi theo số giờ thực tế.

2.4. Các trường hợp được xác định theo mức giá thỏa thuận giữa Giám đốc Công ty và khách hàng:

- \* Hồ trợ trong trường hợp cứu hộ tàu.
- \* Trường hợp tàu thủy mất khả năng hoạt động phải sử dụng tàu lai hồ trợ để đẩy hoặc kéo.
- \* Trường hợp tàu lai hồ trợ phục vụ tàu thủy ngoài các địa điểm trên.
- \* Trường hợp khu vực cảng có tàu vào làm hàng không có tàu lai hồ trợ, Công ty thuê và phải huy động từ nơi khác đến, chi phí huy động tàu lai hồ trợ được xác định trên cơ sở thỏa thuận giữa chủ tàu lai hồ trợ, chủ tàu và Giám đốc Công ty.

Các mức giá trên được áp dụng trong khung giá tại các khoản của Điều 21 Thông tư 54/2018/TT-BGTVT để làm cơ sở tính giá thỏa thuận giữa Giám đốc Công ty và khách hàng.

### 3. Giá dịch vụ buộc, mở dây:

3.1. Phương tiện thủy cập cầu cảng thực hiện công việc buộc, mở dây; Công ty thu giá theo đơn giá sau:

*Đơn vị tính: USD/lần*

| STT | Loại tàu                 | Đơn giá buộc hoặc mở dây |                                   |
|-----|--------------------------|--------------------------|-----------------------------------|
|     |                          | USD/lần                  | Quy đổi tương đương sang đồng/lần |
| 1   | ≤ 2.000 GRT              | 24                       | 578,160                           |
| 2   | Từ 2.001 đến 4.000 GRT   | 31                       | 746,790                           |
| 3   | Từ 4.001 đến 6.000 GRT   | 43                       | 1,035,870                         |
| 4   | Từ 6.001 đến 10.000 GRT  | 55                       | 1,324,950                         |
| 5   | Từ 10.001 đến 15.000 GRT | 76                       | 1,830,840                         |
| 6   | Từ 15.001 GRT trở lên    | 104                      | 2,505,360                         |

3.2. Trường hợp các tàu nhỏ hoặc sà lan buộc vào tàu lớn để chuyển tải hàng hoá áp dụng mức đơn giá dịch vụ buộc, mở dây tại cầu.

## II/ CÁC QUY ĐỊNH CHUNG:

1. Biểu giá này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

2. Các đơn giá qui định tại “Biểu giá dịch vụ tàu lai hỗ trợ và buộc mở dây” này chưa bao gồm Thuế giá trị gia tăng (VAT). Để phù hợp với Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2023 của Bộ tài chính: Hướng dẫn thi hành luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật Thuế giá trị gia tăng. Đối với các đơn giá dịch vụ cho vận tải quốc tế, Công ty thực hiện áp dụng các mức thuế khác nhau cho các dịch vụ khác nhau, đối với các đối tượng khác nhau. Công ty căn cứ theo đơn giá kê khai chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng để áp dụng cho khách hàng theo qui định hiện hành.

## CÔNG TY CP TÀU LAI CẢNG ĐÀ NẴNG



Nguyễn Thanh Tuấn